

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN CHÂU THÀNH**  
**TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ - ST  
Ngày: 15/5/2023  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thuý Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Trường
2. Ông Nguyễn Văn Trương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐ – HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1973 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân H, xã Đông Ph, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân H, thị trấn Ngã S, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Bà và ông Đ chung sống như vợ chồng hơn 30 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Sáu năm 2004. Quá trình chung sống của ông bà vào thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian khoảng 7 – 8 năm nay thì hay xảy ra mâu

thuần. Nguyên nhân chủ yếu do ông Đ không chung thủy nên từ đó vợ chồng ly thân đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Văn X (1992) và Nguyễn Thị Huế Anh (2001). Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật còn bị đơn thì chưa.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có địa chỉ tại ấp Tân Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ trên địa bàn huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Văn Đ chung sống như vợ chồng và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Sáu nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà L thì cuộc sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông Đ không chung thủy với bà nên từ đó vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến hay gửi văn bản trình bày ý kiến đối với cuộc hôn nhân với bà Liên, điều đó cho thấy ông Đ đã không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà Liên. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn X (nam) sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Huế Anh (nữ) sinh năm 2001, các con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đô.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai số 0010985 ngày 22/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Bà L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thuý Hương**

